TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2024
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, theo hình thức trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân huyện An Minh, địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Điểm cầu thành phần: Số B M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long); giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Q, sinh năm 2001; địa chỉ: Số B M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. *Có mặt tại điểm cầu thành phần tại địa chỉ: Số B M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long*.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Q trình bày: Năm 2022 anh T và chị Q kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Tháng

4/2023 sống ly thân đến nay, lúc ly thân chị Q có thai được hơn 03 tháng. Hiện nay không thể sống chung với nhau nữa nên yêu cầu ly hôn. Anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Tường Ngọc T1, sinh ngày 19/10/2023, hiện tại chị Q đang nuôi và yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Không tranh chấp các vấn đề khác.

Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Bị đơn là anh T vắng mặt phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2024 anh T có trình bày:* Do mai mối nên anh chị kết hôn năm 2022, anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Tường Ngọc T1, đang sống chung chị Q. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, có một lần vợ chồng bất hòa, cãi nhau, chị Q bỏ về bên nhà cha mẹ ruột, nhiều lần khuyên vợ về và xin gặp con nhưng gia đình bên vợ ngăn cấm. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q, đồng ý giao con cho chị Q nuôi, anh không cấp dưỡng nhưng trách nhiệm làm cha thì làm có bao nhiêu gửi bấy nhiêu. Vợ chồng không có tài sản gì.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng theo quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q; giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng và tài sản nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Q yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để hòa giải và xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không lý do nên vụ án không hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Năm 2022 anh T và chị Q cưới nhau và đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Q và anh T xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi; Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Anh T vắng mặt là tự đánh mất cơ hội được Tòa án hòa giải hàn gắn. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Q và anh T được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là Nguyễn Tường Ngọc T1, sinh ngày 19/10/2023, hiện đang sống chung với chị Q. Chị Q yêu cầu được nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị Q nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Ngọc T1 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh chị không tranh chấp tài sản và trình bày không nợ người khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Q đối với anh Nguyễn Phước T. Chị Q được ly hôn với anh T.

2- Về con chung: Giao Nguyễn Tường Ngọc T1 cho chị Nguyễn Thị Bích Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Q chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005060 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Tài sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường H